

Tạp chí Văn nghệ (1948 - 1954) trong xây dựng nền văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân ở Việt Nam

Van Nghe Magazine (1948 - 1954) in building national and people's democratic culture in Vietnam

ThS. VI THỊ PHƯƠNG

Đại học Thái Nguyên; Email: Phuong_vt@tnus.edu.vn

Ngày nhận bài: 07/05/2026

Ngày phản biện: 17/05/2026

Ngày duyệt đăng: 20/6/2026

Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Báo chí truyền thông

Tóm tắt: Bài viết phân tích vai trò của Tạp chí Văn nghệ (1948 - 1954) cơ quan ngôn luận của Hội Văn nghệ Việt Nam. Trên cơ sở phương pháp tiếp cận lịch sử - logic và phân tích nội dung, bài viết chỉ ra rằng, Tạp chí Văn nghệ đã triển khai và cụ thể hóa quan điểm của Đảng về văn học nghệ thuật, xác lập hệ giá trị văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân phù hợp với yêu cầu kháng chiến và kiến quốc. Tạp chí góp phần định hướng thẩm mỹ, củng cố ý thức công dân của văn nghệ sĩ, cổ vũ tinh thần yêu nước và khẳng định vai trò của nhân dân như chủ thể trung tâm của đời sống văn hóa. Tạp chí Văn nghệ là mắt xích quan trọng trong tiến trình xây dựng nền văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân và đặt nền tảng cho sự phát triển của báo chí văn nghệ Việt Nam ở các giai đoạn tiếp theo.

Từ khóa: Tạp chí Văn nghệ; báo chí văn hóa - văn nghệ; văn hóa dân tộc; lịch sử báo chí.

Abstract: This article examines the role of Van Nghe Magazine (1948 - 1954), the official publication of the Vietnam Association for Literature and Arts. Employing a historical-logical approach and content analysis, the study demonstrates that Van Nghe Magazine implemented and concretized the Party's views on literature and the arts, established a system of national and people's democratic cultural values consistent with the requirements of national resistance and reconstruction. It contributed to shaping aesthetic orientations, strengthened civic consciousness among writers and artists, promoted patriotism, and affirmed the central role of the people in cultural life. The magazine served as a crucial link in the process of building Vietnam's national and people's democratic culture and laid the foundation for the subsequent development of Vietnamese literary and arts journalism.

Keywords: Van Nghe Magazine; cultural and literary journalism; national culture; history of journalism.

1. Đặt vấn đề

Bài viết phân tích vai trò và đóng góp của Tạp chí Văn nghệ (1948-1954) trong quá trình tuyên truyền, định hướng tư tưởng và tổ chức đời sống văn hóa tinh thần, qua đó làm rõ cách thức tạp chí tham gia xây dựng nền văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân ở Việt Nam giai đoạn kháng chiến chống Pháp. Nghiên cứu Tạp chí Văn nghệ trong xây dựng nền văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân là cần thiết, vừa có ý nghĩa khoa học, vừa đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh hiện nay khi văn hóa tiếp tục được xác định là nguồn lực nội sinh và động lực phát triển bền vững.

Thông qua tiếp cận *Tạp chí Văn nghệ* từ góc độ liên ngành báo chí - văn hóa - văn học, nghiên cứu tập trung làm rõ ba vấn đề trọng tâm: (i) vai trò của tạp chí trong việc định hướng văn hóa - văn nghệ như một mặt trận tư tưởng, cổ

vũ tinh thần yêu nước và ý chí kháng chiến toàn dân; (ii) sự tham gia của tạp chí vào việc xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ mới, quán triệt đường lối văn hóa của Đảng và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; (iii) cơ chế duy trì đội ngũ cộng tác viên đa dạng, bảo đảm tính thời sự và chiều sâu nội dung trong điều kiện chiến tranh. Kết quả nghiên cứu cung cấp tư liệu tham khảo cho nghiên cứu, giảng dạy lịch sử báo chí và văn hóa Việt Nam; từ đó định hướng giá trị, phát huy vai trò của báo chí văn nghệ đối với việc nuôi dưỡng bản sắc dân tộc và xây dựng đời sống tinh thần trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu vận dụng hệ thống các phương pháp cụ thể, bao gồm: nghiên cứu tài liệu thực chứng, khảo sát - thống kê, phân tích nội dung, so sánh và nghiên cứu liên ngành.

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát toàn bộ 56 số báo trong *Sưu tập trọn bộ 7 tập của Tạp chí Văn nghệ* xuất bản từ tháng 3/1948 đến tháng 10/1954. Tổng số bài viết được chọn lọc và đưa vào phân tích là 326 bài. Các bài viết được phân loại bao gồm các chuyên mục: □*Nghị luận*□ □*Phê bình*□ □*Thơ*□ □*Truyện ngắn & Ký sự*□ □*Kịch & Ca khúc*□ □*Trao đổi ý kiến*□ □*Tin văn nghệ*□ □*Giới thiệu sách*□ □*Dịch thuật*□, theo ba nhóm thể loại chính: (1) *Nghị luận - phê bình* gồm 70 bài (chiếm 21,5%), bao gồm xã luận, tổng kết, trao đổi ý kiến, phê bình tác phẩm; (2) *Sáng tác văn học - nghệ thuật* gồm 221 bài (chiếm 67,9%), bao gồm thơ, truyện ngắn, ký sự, tùy bút, kịch bản, ca khúc; (3) *Thông tin - tư liệu* gồm 35 bài (chiếm 10,6%), bao gồm giới thiệu sách báo, tin hoạt động văn nghệ địa phương. Bên cạnh đó, phương pháp phân tích nội dung được vận dụng trọng tâm là nhận diện cách thức *Tạp chí Văn nghệ* triển khai quan điểm về văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân, mối quan hệ giữa văn nghệ với kháng chiến, cũng như vai trò định hướng thẩm mỹ và xây dựng hình mẫu con người mới. Ngoài ra, phương pháp nghiên cứu liên ngành được triển khai trên cơ sở kết hợp giữa báo chí học, văn hóa học, văn học và sử học nhằm đặt *Tạp chí Văn nghệ* trong bối cảnh lịch sử - xã hội cụ thể của cuộc kháng chiến chống Pháp, đồng thời lý giải mối quan hệ tương tác giữa báo chí, văn hóa, tư tưởng và chính trị - những yếu tố không thể tách rời trong quá trình xây dựng nền văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân. Đối tượng nghiên cứu chính của bài viết là *Tạp chí Văn nghệ* (1948 - 1954) với tư cách cơ quan ngôn luận của Hội Văn nghệ Việt Nam, được xem xét như một thực thể báo chí văn hóa có vai trò kiến tạo và định hướng đời sống văn hóa, tư tưởng, thẩm mỹ trong giai đoạn kháng chiến.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Một số khái niệm

□*Tạp chí*□ □*Tạp chí*□ là thuật ngữ thuộc lĩnh vực báo chí - truyền thông, được sử dụng để chỉ một loại hình ấn phẩm có đặc trưng riêng về nội dung, hình thức và chức năng xã hội. Theo cách hiểu phổ biến, Phạm Thành Hưng định nghĩa: □*Tạp chí* (magazine) là loại ấn phẩm khổ nhỏ hơn báo, đóng thành tập, có bìa, chuyển tải các loại thông tin có tính tổng hợp, chuyên sâu, xuất bản định kỳ ở một địa điểm nhất định□ (Phạm Thành Hưng, 2007). Ở góc độ lý luận báo chí, tác giả Dương Xuân Sơn đưa ra định nghĩa: □*Tạp chí là diễn đàn lý luận, khoa học, nghiệp vụ chuyên biệt. Trên thế giới và ở Việt Nam, tạp chí thường được phân loại thành hai nhóm là □Nhóm tạp chí thông tin lý luận khoa học chuyên ngành□ và □Nhóm tạp chí thông tin giải trí và chỉ dẫn□* Quan niệm này làm rõ bản chất của tạp chí có chức năng tổ chức tri thức và định hướng nhận thức trong các lĩnh vực chuyên môn.

□*Văn hóa*□ Văn hóa là một phạm trù khoa học rộng lớn, bao quát toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của con người trong xã hội. Các định nghĩa có thể quy về hai hướng chủ yếu: tiếp cận miêu tả - liệt kê các thành tố cấu thành và tiếp cận đặc trưng - nhấn mạnh bản chất, chức năng và hệ giá trị của văn hóa. Theo hướng tiếp cận miêu tả, Edward Burnett Tylor trong tác phẩm *Primitive Culture* (1871) đã đưa ra định nghĩa: □*văn hóa là phức thể bao gồm tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, tập quán, cùng mọi khả năng và thói quen khác mà con người như một thành viên của xã hội đạt được*□ Định nghĩa này xác lập văn hóa như một chỉnh thể gồm các yếu tố do con người sáng tạo trong đời sống xã hội, đặt nền tảng cho nghiên cứu văn hóa theo hướng khoa học hiện đại. (Tylor, E. B, 1871).

Ở Việt Nam, quan niệm về văn hóa gắn liền với sự nghiệp cách mạng và phát triển dân tộc. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: □*Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. □ và □Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị. □* Những quan điểm này xác lập vị trí của văn hóa như một bộ phận hữu cơ của đời sống xã hội, có chức năng động viên, giáo dục và định hướng giá trị.

3.2. Nội dung xây dựng nền văn hoá dân tộc, dân chủ nhân dân trên *Tạp chí Văn nghệ* (1948 - 1954)

3.2.1. Góp phần xây dựng nền văn hóa kháng chiến cứu quốc

(1) *Văn hoá - văn nghệ như một mặt trận tư tưởng của kháng chiến. Tạp chí Văn nghệ* xác định rõ văn hóa, văn nghệ là một bộ phận không tách rời của sự nghiệp kháng chiến cứu quốc. Các bài viết lý luận, sáng tác và phê bình đều hướng tới mục tiêu phục vụ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, góp phần củng cố lập trường tư tưởng cách mạng, nâng cao nhận thức chính trị và tinh thần chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ và quần chúng nhân dân. Năm 1948, Đảng chủ trương kết thúc hoạt động của Văn hóa cứu quốc. Lập ra tổ chức mới là □*Văn nghệ Việt Nam*□ (tháng 7/1948). Nhiệm vụ của □*Văn nghệ Việt Nam*□ là xây dựng nền văn hóa kháng chiến, cơ quan ngôn luận là *Tạp chí Văn nghệ* (3/1948) Số 1: tham gia thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam. *Tạp chí Văn nghệ*, với tác phẩm □*Làng*□ đã khéo léo lồng ghép những giá trị cốt lõi này vào đời sống tinh thần của nhân dân. Đây chính là thông điệp văn hóa quan trọng mà *Tạp chí Văn nghệ* muốn truyền tải: Văn hóa dân tộc trong thời kỳ kháng chiến phải là văn hóa cứu quốc, đặt lợi ích chung của đất nước lên trên mọi tình cảm riêng tư.

Bài viết □*Kháng chiến và văn hóa*□ (số 3, trang 4) cũng đã phác thảo rõ ràng đường lối và nhiệm vụ của văn hóa trong công cuộc cứu quốc, khẳng định vai trò của *Tạp chí Văn nghệ* trong việc kiến tạo ý thức hệ văn hóa kháng chiến,

biến mọi hình thức nghệ thuật thành phương tiện để thúc đẩy đại đoàn kết, củng cố niềm tin, và hướng dẫn hành động của toàn dân, từ đó góp phần đắc lực vào sự nghiệp xây dựng nền văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân trong lòng cuộc chiến đấu sinh tử của đất nước. Tác phẩm *“Núi Cứu Quốc”* của Tô Hoài trên *Tạp chí Văn nghệ* (số 11 và 12), phản ánh trực tiếp nỗ lực của Tạp chí trong việc xây dựng nền văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân trong giai đoạn kháng chiến cứu quốc. Bài viết là một *“bài học định hướng”* về tư tưởng nghệ thuật, xác lập tiêu chuẩn cho văn học kháng chiến.

(2) *Cổ vũ tinh thần yêu nước và ý chí kháng chiến toàn dân.* Bài viết *“Hành quân chiến đấu”* đăng trên *Tạp chí Văn nghệ* (số 8 & 9) đưa người đọc vào ngay giữa cuộc sống gian khổ, khốc liệt của chiến sĩ. *Tạp chí Văn nghệ* cho thấy đường lối văn hóa kháng chiến: khẳng định tinh thần khoa học và thực hành trong văn học. Văn học không còn là sự lãng mạn hóa chiến đấu mà là công cụ để ghi lại và phân tích hiện thực. Tạp chí đã sử dụng tác phẩm này để truyền tải thông điệp về tinh kiên cường, sự bền bỉ và tinh thần lạc quan của bộ đội Cụ Hồ, biến nỗi khổ thành niềm vinh quang trong việc làm tròn nhiệm vụ. Bài viết *“Sau một trận thắng”* trên *Tạp chí Văn nghệ* (số 29) thể hiện khả năng của *Tạp chí Văn nghệ* trong việc tổng hợp và định hình dư luận xã hội sau mỗi chiến công, củng cố tinh thần đại đoàn kết giữa quân đội và nhân dân, đồng thời xác lập các chuẩn mực đạo đức cách mạng. *Tạp chí Văn nghệ* đã thành công trong việc sử dụng văn học để hun đúc niềm tin vào một tương lai tươi sáng của dân tộc.

Bài viết *“Hội nghị toàn quốc năm nay của Văn hóa và Văn nghệ”* (số 3, T. 1) là một văn kiện mang tính chất chiến lược, phản ánh nhu cầu cấp bách của Tạp chí và giới trí thức trong việc tổng kết kinh nghiệm, sắp xếp hàng ngũ và xác lập đường lối thống nhất cho nền văn hóa kháng chiến. Bài viết *“Ngược”* đăng (số 10, T. 2) ghi lại hành trình cá nhân và là một bức tranh toàn cảnh về tinh thần dân tộc đã được tôi luyện và thống nhất, từ đó khẳng định rằng văn hóa kháng chiến đã thành công trong việc xây dựng tinh thần bất khuất, ý chí đoàn kết và niềm tin vào tương lai dân chủ trong lòng dân chúng và đội ngũ cách mạng. Bài viết *“Hội Văn nghệ Việt Nam hiệu triệu các anh chị em văn nghệ toàn quốc”* (số 11 & 12, T. 2) là một văn bản báo chí - chính luận mang tính tuyên ngôn hành động cao độ, đánh dấu sự chuyển mình dứt khoát của văn hóa kháng chiến sang giai đoạn tổng phản công. *“Cái ba lô”* (số 11 & 12, T. 2) đã biến vật dụng giản dị của người lính nông dân (chiếc ba lô *“bánh chưng”*) thành một tuyên ngôn tư tưởng về nền văn hóa dân chủ nhân dân.

3.2.2. *Góp phần xây dựng đội ngũ nhà văn hóa, văn*

nghệ sĩ mới gắn bó với Tổ quốc, với nhân dân

Xác lập quan niệm mới về vai trò và trách nhiệm xã hội của văn nghệ sĩ. Về tổ chức, tòa soạn *Văn nghệ* quy tụ được những cây bút uy tín và những cán bộ văn hóa có kinh nghiệm, tạo ra *“hạt nhân nghề nghiệp”* có khả năng dẫn dắt dư luận văn nghệ trong điều kiện chiến tranh. *Tạp chí* 1948 - 1954 tham gia xây dựng đội ngũ nhà văn hóa, văn nghệ sĩ mới thông qua ba cơ chế chủ đạo: tổ chức một môi trường nghề nghiệp có uy tín để quy tụ lực lượng sáng tác; định hướng thẩm mỹ và tư tưởng bằng hệ thống tác phẩm, nghị luận, phê bình; mở rộng chủ thể sáng tác và gắn sáng tác với đời sống nhân dân, đời sống kháng chiến. Nhờ các cơ chế đó, tạp chí góp phần định hình mẫu hình văn nghệ sĩ cách mạng: người cầm bút gắn với thực tiễn dân tộc, chia sẻ nhịp sống của nhân dân, sáng tạo nhằm phục vụ mục tiêu lịch sử của đất nước trong thời kỳ kháng chiến. Bài *“Diễn văn khai mạc Hội nghị Văn nghệ toàn quốc”* là lời khai mạc một sự kiện mà là sự tuyên bố về phương hướng chiến lược của *Tạp chí Văn nghệ* và Hội Văn nghệ Việt Nam, nhằm xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ mới, kiên quyết dứt bỏ cái cũ để kiến tạo nền văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân. Việc xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ mới, gắn bó với nhân dân và Tổ quốc, được nhìn nhận thông qua việc nâng đỡ những lớp người mới này, những người được xác định là *“sẽ giữ phần cốt yếu trong việc xây dựng văn nghệ sau này”*.

Thúc đẩy sự gắn bó giữa văn nghệ sĩ với đời sống kháng chiến và quần chúng nhân dân. *Tạp chí Văn nghệ* góp phần vào quá trình hình thành một đội ngũ nhà văn hóa, văn nghệ sĩ kiểu mới của cách mạng. Đội ngũ ấy được định vị bằng những tiêu chí cơ bản: ý thức chính trị rõ ràng, gắn bó với vận mệnh dân tộc, hướng về đời sống nhân dân, coi sáng tác là trách nhiệm xã hội trong kháng chiến. Tòa soạn *Văn nghệ* quy tụ được những cây bút uy tín và những cán bộ văn hóa có kinh nghiệm, tạo ra *“hạt nhân nghề nghiệp”* có khả năng dẫn dắt dư luận văn nghệ trong điều kiện chiến tranh. Sự hiện diện của các nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình, nhạc sĩ, họa sĩ có vị trí trong đời sống văn hóa lúc bấy giờ tạo ra tính chính danh cho tạp chí, đồng thời bảo đảm chất lượng chuyên môn của quá trình tuyển chọn, thẩm định tác phẩm.

3.2.3. *Văn hóa - văn nghệ phát triển theo đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng*

Quán triệt đường lối văn hóa, văn nghệ cách mạng trong hoạt động lý luận và sáng tác. *Tạp chí Văn nghệ* có vai trò quan trọng trong việc truyền bá và cụ thể hóa đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng vào đời sống sáng tác và tiếp nhận văn học - nghệ thuật. *Văn Nghệ* đã đảm nhận chức năng này thông qua việc đăng tải các bài lý luận, nghị luận, trao đổi học thuật nhằm làm rõ mục tiêu và nhiệm vụ của văn hóa - văn nghệ trong sự nghiệp cách mạng. Trước hết,

tạp chí góp phần khẳng định quan điểm căn bản của Đảng: văn hóa - văn nghệ phải phục vụ chính trị, phục vụ kháng chiến và gắn bó mật thiết với đời sống của dân tộc và nhân dân. Quan điểm này không được trình bày một cách giáo điều hay áp đặt mà được diễn giải thông qua các bài viết mang tính thuyết phục, gắn với thực tiễn sinh động của đời sống kháng chiến.

Định hướng giá trị thẩm mỹ và nội dung tư tưởng theo mục tiêu cách mạng. Văn nghệ góp phần hình thành một dòng văn học - nghệ thuật mang đậm hơi thở của cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện. *Tạp chí Văn nghệ* cũng tích cực phê phán các khuynh hướng nghệ thuật lệch lạc, xa rời nhiệm vụ cách mạng. Những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, thoát ly hiện thực, bi quan, yếm thế hoặc chạy theo hình thức nghệ thuật thuần túy đều được chỉ ra và phân tích trên tinh thần xây dựng.

Góp phần xây dựng nền văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân thống nhất về tư tưởng. Trên cơ sở quán triệt đường lối của Đảng và định hướng giá trị thẩm mỹ cách mạng, *Tạp chí Văn nghệ* đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng một nền văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân thống nhất về tư tưởng trong thời kỳ kháng chiến. *Văn nghệ* góp phần củng cố sự thống nhất tư tưởng trong đội ngũ văn nghệ sĩ bằng việc tạo ra một diễn đàn chung để trao đổi, thảo luận và phân biện các vấn đề lý luận và thực tiễn. *Tạp chí* tổ chức và động viên lực lượng văn nghệ sĩ tham gia tích cực vào công cuộc kháng chiến. Trong giai đoạn 1946-1954, *Tạp chí Văn nghệ* đã thực hiện vai trò trong việc thúc đẩy sự phát triển của văn hóa - văn nghệ theo đường lối của Đảng. Thông qua việc quán triệt tư tưởng cách mạng, định hướng giá trị thẩm mỹ và góp phần xây dựng sự thống nhất tư tưởng trong đời sống văn hóa, tạp chí đã trở thành nhân tố quan trọng trong quá trình hình thành nền văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân ở Việt Nam. Những đóng góp đó để lại dấu ấn lâu dài đối với sự phát triển của văn hóa - văn nghệ Việt Nam hiện đại.

3.2.4. Xây dựng và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

Trên *Tạp chí Văn nghệ*, các bài viết của Hồ Chủ tịch trở thành hình mẫu về phong cách diễn đạt gần gũi với quần chúng, vừa ngắn gọn, súc tích, vừa giàu khả năng thuyết phục, góp phần định hướng chuẩn mực sử dụng tiếng Việt trong sáng tác và báo chí cách mạng. Trong bài viết *“Hồ Chủ tịch nói chuyện về cách viết”* số 36, số trang 323 của Nguyễn Huy Tường, buổi nói chuyện của Hồ Chủ tịch đặt cách viết vào vị trí một lập trường chính trị và đạo đức rõ ràng: *“Vì công, nông, binh mà viết”*. Phong cách ngôn ngữ Hồ Chí Minh, với sự kết hợp hài hòa giữa tư tưởng cao cả và ngôn từ mộc mạc, đã trở thành chuẩn mực tuyệt đối, định hướng cho toàn bộ nền văn học và báo chí Việt Nam thời kỳ kháng chiến. Bài viết *“Từ hội nghị hội họa đến hai lớp*

học tập cải tạo tư tưởng” số 35, số trang 250 (T. 4&5), sự trong sáng của tiếng Việt trong bài viết này dùng lại ở sự giản dị và thể hiện ở tính minh bạch, trực diện trong đấu tranh tư tưởng. Bài văn kiện *“Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch”* số 7, số trang 409 (T. 7) thể hiện tinh hoa của phong cách ngôn ngữ Hồ Chí Minh - một lối viết mà *Tạp chí Văn nghệ* đã tích cực phổ biến để xây dựng và giữ gìn sự trong sáng, hiệu quả và tính nhân dân của tiếng Việt. *Văn nghệ* đã khẳng định phong cách ngôn ngữ Hồ Chí Minh, với sự thống nhất giữa lập trường chính trị vững vàng và cách diễn đạt gần gũi nhân dân, chính là kim chỉ nam cho nền văn hóa dân chủ nhân dân.

3.2.5. Duy trì, gắn bó đội ngũ cộng tác viên

Đội ngũ cộng tác viên *Văn nghệ* mang tính đa dạng về xuất thân, nghề nghiệp và loại hình nghệ thuật. Thông qua đội ngũ cộng tác viên, *Văn nghệ* đã thực sự trở thành điểm hội tụ của văn nghệ kháng chiến, có vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân ở Việt Nam. Nhiều tên tuổi trung tâm của văn nghệ kháng chiến như Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Hoài Thanh, Nguyễn Huy Tường, Tô Hoài, Ngô Tất Tố, Hoàng Trung Thông, Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên, Nguyễn Bính... Bên cạnh những nhà văn, nhà thơ, nhà lý luận văn nghệ đã có tên tuổi từ trước Cách mạng Tháng Tám, tạp chí còn quy tụ đông đảo cây bút mới, trưởng thành trong phong trào kháng chiến và lao động sản xuất. Qua đó, tạp chí thực hiện hiệu quả phương châm văn nghệ phục vụ nhân dân, do nhân dân sáng tạo, đồng thời góp phần rút ngắn khoảng cách giữa người sáng tác và người tiếp nhận văn học - nghệ thuật. Hơn nữa, đội ngũ cộng tác viên của *Văn nghệ* là lực lượng dịch thuật và giới thiệu tư liệu văn hóa - văn nghệ quốc tế.

3.3. Thành công và hạn chế của Tạp chí Văn nghệ (1948 - 1954)

Thành công

Trước hết, *Văn nghệ* không đứng ngoài dòng chảy của cuộc chiến tranh giải phóng. Tạp chí trực tiếp tham gia vào công cuộc vận động quần chúng bằng việc chuyển hóa nhiệm vụ chính trị thành cảm hứng sáng tác, biến sự kiện thời sự thành chất liệu biểu tượng, đưa lý tưởng và mục tiêu chung vào những hình thức dễ tiếp nhận. Đây là thành công của tạp chí trong việc *“Xã hội hóa”* văn nghệ: đưa văn nghệ từ hoạt động nghề nghiệp của một nhóm tác giả thành tài sản tinh thần có chức năng xã hội rộng.

Thứ hai, năng lực định hướng trường văn nghệ theo đường lối văn hóa-văn nghệ của Đảng trong điều kiện thiếu thốn và phân tán. *Văn nghệ* làm được điều này bằng ba cơ chế đồng thời. (1) cơ chế *“cương lĩnh hóa”* thông qua các văn bản nghị luận, báo cáo tổng kết, trao đổi nghề nghiệp và

bài phê bình, từ đó xác lập hệ tiêu chí về nội dung và hình thức: văn nghệ gắn với nhân dân, hướng tới hiện thực chiến đấu và lao động, đề cao tinh thần tập thể, phát huy bản sắc dân tộc trên nền tảng hiện đại; (2) tạp chí tạo không gian để bàn về phương pháp đi thực tế, cách xây dựng hình tượng, cách tổ chức chất liệu dân gian, cách xử lý ngôn ngữ, nhịp điệu, kết cấu; qua đó hình thành thói quen tự kiểm điểm nghệ và tự rèn luyện. (3) cơ chế liên kết phong trào thông qua tin văn nghệ, tường thuật liên hoan, thông cáo, thư từ, tạp chí nói trung ương với liên khu, nói cơ quan hội với đoàn văn công, nói văn nghệ sĩ chuyên nghiệp với lực lượng viết từ cơ sở. Nhờ đó, tạp chí góp phần hình thành một công chúng văn nghệ có khả năng tiếp nhận, thảo luận và chờ đợi văn nghệ như một phần thiết yếu của đời sống kháng chiến.

Thứ ba, Văn nghệ tham gia vào quá trình hiện đại hóa công luận bằng ngôn ngữ, giúp ngôn ngữ trở thành công cụ của đồng thuận xã hội và của huy động tập thể. Cần ghi nhận thêm một thành công mang tính nền tảng: Văn nghệ để lại di sản tư liệu lớn cho nghiên cứu văn hóa-văn nghệ kháng chiến. Suo tập nhiều nghìn trang in của giai đoạn 1948-1954 vừa lưu giữ tác phẩm, vừa lưu giữ ngữ cảnh sản sinh tác phẩm: báo cáo công tác, nghị quyết, tranh luận nghề nghiệp, tin phong trào, thư từ, tường thuật liên hoan, giới thiệu kinh nghiệm nước ngoài. Thành công của Văn nghệ tiếp tục phát huy giá trị trong khoa học lịch sử, văn hóa học, báo chí học và nghiên cứu văn học. Từ điểm nhìn này, Văn nghệ giai đoạn 1948-1954 có thể được xác định như một thành tựu tiêu biểu của báo chí văn nghệ cách mạng: vừa là sản phẩm của hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, tạo ảnh hưởng dài hạn lên cách tổ chức đời sống văn nghệ Việt Nam hiện đại.

Hạn chế

Bên cạnh những đóng góp quan trọng đối với sự nghiệp kháng chiến và việc xây dựng nền văn hóa mới, hoạt động của Tạp chí Văn nghệ cũng bộc lộ một số hạn chế, gắn liền với bối cảnh chính trị - tư tưởng, điều kiện tổ chức thời chiến và trình độ nhận thức lý luận của giai đoạn đầu xây dựng nền văn nghệ cách mạng. Sự chi phối mạnh mẽ của tư tưởng chính trị làm thu hẹp không gian sáng tạo nghệ thuật. Dưới ảnh hưởng của hệ tư tưởng Mác - Lênin được tiếp nhận qua kinh nghiệm cách mạng Trung Quốc, đặc biệt là tư tưởng văn nghệ của Mao Trạch Đông, giá trị tác phẩm văn học - nghệ thuật thường được đánh giá trước hết dựa trên lập trường chính trị, tính giai cấp và mức độ phục vụ nhiệm vụ cách mạng. Trên các trang Văn nghệ, nhiều bài nghị luận và phê bình nhấn mạnh yêu cầu tính chiến đấu và tinh thần phục vụ kháng chiến, song chưa tạo được sự cân bằng cần thiết giữa nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật. Tạp chí Văn nghệ với điều kiện tổ chức và vật chất của thời chiến

- như khó khăn trong in ấn, phát hành và sự chậm trễ của xuất bản các công trình lý luận chuyên sâu - cũng khiến quá trình tổng kết, hệ thống hóa kinh nghiệm sáng tác và phê bình chưa đạt được độ sâu cần thiết.

4. Kết luận

Tạp chí Văn nghệ (1948-1954) đã giữ vai trò then chốt trong việc xây dựng nền văn hóa dân tộc, dân chủ nhân dân ở Việt Nam trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp. Là cơ quan ngôn luận trung tâm, quán triệt và hiện thực hóa đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng, tạp chí đã đưa quan điểm văn hóa nghệ thuật là một mặt trận vào thực tiễn, cụ thể hóa các nguyên tắc dân tộc, khoa học, đại chúng thành các tiêu chí sáng tác và phê bình, định hướng văn nghệ phục vụ kháng chiến và kiến quốc. Thông qua việc đăng các tác phẩm, bài lý luận, phê bình và tổ chức các diễn đàn tranh luận, Tạp chí đã định hình trách nhiệm xã hội, tinh thần dân thân và ý thức phục vụ nhân dân của giới văn nghệ sĩ, đồng thời phát hiện và bồi dưỡng nhiều cây bút mới từ quần chúng. Tạp chí đã cổ vũ tinh thần yêu nước, ý chí chiến đấu, niềm tin vào thắng lợi; xây dựng các hình tượng nghệ thuật mới và thúc đẩy lối viết giản dị, trong sáng, gần gũi với quần chúng, mà tiêu biểu là phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bên cạnh thành công trong việc tổ chức, tập hợp lực lượng và tạo diễn đàn, Tạp chí cũng bộc lộ những hạn chế như sự chi phối của tư tưởng chính trị đôi khi làm thu hẹp không gian sáng tạo nghệ thuật; quan niệm phản ánh hiện thực và xây dựng hình tượng còn giản lược, chưa bao quát hết tính đa dạng của đời sống; và điều kiện chiến tranh cũng ảnh hưởng đến chất lượng lý luận, phê bình chuyên sâu. Tạp chí Văn nghệ đã trở thành mắt xích quan trọng, vừa phản ánh, vừa tham gia kiến tạo nền văn hóa mới, đặt nền tảng vững chắc cho sự phát triển của báo chí và văn học nghệ thuật cách mạng Việt Nam ở các giai đoạn sau./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị. (2026). Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam. <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/ngchi-quyet-so-80-nq-tw-ve-phat-trien-van-hoa-viet-nam-119260113133313565.htm>
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. <https://baohinhphu.vn/toan-van-ngchi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiii-cua-dang-102288263.htm>
3. Đỗ Đình Hằng (Chủ biên). (2006). Tìm hiểu đường lối văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
4. Hồ Chí Minh. (1948). Thư gửi Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ II.
5. Hồ Chí Minh. (1951). Thư gửi các họa sĩ nhân dịp Triển lãm hội họa năm 1951.
6. Phạm Thành Hưng. (2007). Thuật ngữ báo chí - truyền thông. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia.
7. Trần Ngọc Thêm. (1999). Cơ sở văn hóa Việt Nam. Nhà xuất bản Giáo dục.
8. Tylor, E. B. (1871). Primitive culture. John Murray